

Số: 049/QĐ-UBND

Tiên Phong, ngày 19 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về công bố công khai dự toán thu chi Ngân sách năm 2021.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TIÊN PHONG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp Ngân sách Nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số: 02 /NQ- HDND ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc phê chuẩn Dự toán thu chi ngân sách xã năm 2021.

Xét đề nghị của Ban tài chính xã Tiên Phong.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu chi Ngân sách xã Tiên Phong năm 2021 (Theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy Ban Nhân Dân xã, Ban Tài, các ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân thị xã;
- Phòng Tài chính thị xã;
- Đảng ủy xã: UBND- HDND xã;
- Các đoàn thể ở xã;
- Các trường thôn trong xã;
- Lưu: VT..



Ngô Văn Quân

**BIÊN BẢN
Xác nhận niêm yết công khai dự toán thu chi ngân sách
của UBND xã Tiên phong năm 2021**

Hôm nay, hồi giờ ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại UBND xã Tiên Phong gồm có:

- 1/ Đồng chí: Ngô Văn Quân - Chủ tịch UBND.
- 2/ Đồng chí: Dương Thị Bích Liên - Phó chủ tịch.
- 3/ Đồng chí : Hà Trọng Tài -- Phó CT UBND
- 3/ Đồng chí: Hoàng Thị Thuyết - Kế toán.
- 4/ Đồng chí: Hà Thị Thu Trang - Văn phòng TK

***/ Nội dung:** Xác nhận niêm yết công khai dự toán thu chi ngân sách của UBND xã Tiên Phong năm 2021 với nội dung sau:

- Nội dung niêm yết: Biểu công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách năm 2021 của UBND xã Tiên Phong.

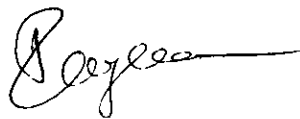
(Có biểu kèm theo).

- Thời gian niêm yết bắt đầu kể từ ngày: 19/1/2021 đến hết ngày / /2021

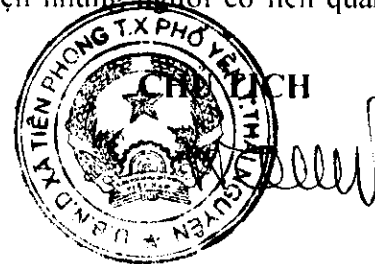
- Hình thức niêm yết: Dán niêm yết tại UBND xã Tiên Phong, tuyên truyền trên loa thông qua các kỳ họp UBND - HĐND xã.

Biên bản lập xong hồi 11 giờ cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN



Hà Thị Thu Trang



Ngô Văn Quân

ĐẠI DIỆN NHỮNG NGƯỜI DỰ HỌP

PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ



Hà Trọng Tài

KẾ TOÁN NGÂN SÁCH



Hoàng Thị Thuyết

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
Tổng số thu	5.892.726.000	Tổng số chi	5.892.726.000
I- Các khoản thu xã hưởng 100%	87.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	0
II- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	134.500.000	II. Chi thường xuyên	5.759.008.000
III- Thu bổ sung	5.671.226.000	III. Dự phòng	99.938.000
Thu bổ sung cân đối	5.671.226.000	IV. Tiết kiệm chi 10%	33.780.000
Thu bổ sung có mục tiêu			
V- Thu chuyên nguồn			

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021*(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)*

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2020 (năm hiện hành)		Dự toán năm 2021		So sánh %	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	Tổng thu	16.698.504.352	16.545.482.919	2.717.000.000	221.500.000	16,27	1,34
I	Các khoản thu 100%	143.566.050	141.392.050	77.000.000	77.000.000	105,54	108,23
1	Phí, lệ phí	73.525.000	71.351.000	65.000.000	65.000.000	88,41	91,10
2	Thu từ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sử hữu của NN theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	70.041.050	70.041.050	12.000.000	12.000.000	17,13	17,13
9	Thu đền bù đất công						
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	293.560.667	164.783.228	2.640.000.000	144.500.000	899,30	87,69
1	Các khoản thu phân chia	219.994.012	113.286.567	155.000.000	78.000.000	70,46	68,85
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	76.782.942	62.133.209	35.000.000	35.000.000	45,58	56,33
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	11.700.000	11.700.000	10.000.000	10.000.000	85,47	85,47
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	131.511.070	39.453.358	110.000.000	33.000.000	83,64	83,64
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	73.566.655	51.496.661	2.485.000.000	66.500.000	3377,89	129,13
	Thuế GTGT, tài nguyên, thuế khác	73.566.655	51.496.661	95.000.000	66.500.000		
	Thuế thu nhập cá nhân		0	390.000.000			
	Thu tiền sử dụng đất			2.000.000.000			
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyên nguồn	67.647.000	67.647.000				
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	789.747.082	789.747.082				
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	15.398.063.898	15.398.063.898	0	0		
	- Thu bổ sung cân đối	5.664.195.000	5.664.195.000		0		
	- Thu bổ sung có mục tiêu	9.733.868.898	9.733.868.898				

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021*(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)*

Đơn vị: đồng

ST T	Nội dung	Dự toán năm 2020 (năm hiện hành)			Dự toán năm 2021			So sánh %		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/18	8=5/18	9=6/3
	TỔNG CHI	15.516.467.600	7.920.473.552	7.595.994.048	5.892.726.000	0	5.892.726.000	0,38		0,78
	Trong đó	15.516.467.600	7.920.473.552	7.595.994.048	5.892.726.000	0	5.892.726.000	0,38		0,78
1	Chi dân quân tự vệ	675.275.002		675.275.002	623.059.000		623.059.000			
2	Chi trật tự an toàn xã hội	592.045.720		592.045.720	488.000.000		488.000.000			
3	Chi ứng dụng, chuyên giao công nghệ	0			0		0			
4	Chi y tế	0			0		0			
5	Chi giao thông				0		0			
6	Chi văn hóa, thông tin	0			22.000.000		22.000.000			
7	Chi phát thanh, truyền thanh	0			0		0			
8	Chi thể dục thể thao	0			15.000.000		15.000.000			
9	Chi bảo vệ môi trường	0		0						
10	Chi các hoạt động kinh tế	193.200.488		193.200.488	25.000.000		25.000.000			
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.649.936.346		5.649.936.346	4.028.949.000		4.028.949.000	0,71		0,71
12	Chi cho công tác xã hội	250.416.000		250.416.000	281.000.000		281.000.000	1,12		1,12
13	Chi khác	235.120.492		235.120.492	276.000.000		276.000.000	1,17		1,17
14	Dự phòng ngân sách	0		0	99.938.000		99.938.000			
15	Tiết kiệm chi 10%	0			33.780.000		33.780.000			

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021*(Kèm theo Biên bản xác nhận kết quả niêm yết công khai Dự toán thu chi năm 2021)**Đơn vị: đồng*

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
Tổng số thu	5.892.726.000	Tổng số chi	5.892.726.000
I- Các khoản thu xã hưởng 100%	87.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	0
II- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	134.500.000	II. Chi thường xuyên	5.759.008.000
III- Thu bổ sung	5.671.226.000	III. Dự phòng	99.938.000
Thu bổ sung cân đối	5.671.226.000	IV Tiết kiệm chi 10%	33.780.000
Thu bổ sung có mục tiêu			
V- Thu chuyển nguồn			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	5.892.726.000	0	5.892.726.000
I	Chi thường xuyên	5.759.008.000	0	5.759.008.000
1	Chi giáo dục			
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0		0
3	Chi y tế	0		0
4	Chi văn hóa, thông tin, tuyên truyền	22.000.000		22.000.000
5	Chi phát thanh, truyền thanh	0		0
6	Chi thể dục thể thao	15.000.000		15.000.000
7	Chi bảo vệ môi trường	0		0
8	Chi các hoạt động kinh tế	25.000.000		25.000.000
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.140.008.000		5.140.008.000
10	Chi cho công tác xã hội	281.000.000		281.000.000
11	Chi khác (các Hội)	276.000.000		276.000.000
II	Dự phòng ngân sách	99.938.000		99.938.000
III	Tiết kiệm chi 10%	33.780.000		33.780.000
II	Chi đầu tư	0	0	0

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)



Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	
		Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2
	Tổng thu	2.717.000.000	5.892.726.000
I	Các khoản thu 100%	87.000.000	87.000.000
1	Phí, lệ phí	75.000.000	75.000.000
2	Thu từ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		
3	Thu từ hoạt động kinh tế sự nghiệp		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	12.000.000	12.000.000
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của NN theo quy định		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
8	Thu khác		
9	Thu đền bù đất công	0	
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	2.630.000.000	134.500.000
1	Các khoản thu phân chia	240.000.000	134.500.000
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	35.000.000	35.000.000
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	110.000.000	33.000.000
	Thuế GTGT	95.000.000	66.500.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	2.390.000.000	0
	Thu cấp quyền sử dụng đất	2.000.000.000	
	Thu thuế thu nhập các nhân	390.000.000	
	...		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	0	0
IV	Thu chuyên nguồn	0	0
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	0	0
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	0	5.671.226.000
	- Thu bổ sung cân đối		5.671.226.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu		